TÒA ÁN NHÂN DÂN CẤP CAO TẠI ĐÀ NẴNG

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 47/2022/DS-PT
Ngày 04-3-2022
V/v "*Yêu cầu tuyên bố hợp đồng tặng cho QSD đất QSH nhà ở vô hiệu, hủy GCNQSD đất và tài sản gắn liền với đất; hủy di chúc và chia tài sản thừa kế theo pháp luật*".

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN CẤP CAO TẠI ĐÀ NẴNG

Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Mai Xuân Thành
Các Thẩm phán: Ông Nguyễn Tấn Long
Bà Lê Thúy Cầu

- Thư ký phiên tòa: Bà Đinh Thị Trang, Thư ký Tòa án, Tòa án nhân dân cấp cao tại Đà Nẵng.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại Đà Nẵng: Ông Trần Viết Tuấn, Kiểm sát viên.

Vào ngày 04 tháng 3 năm 2022, tại trụ sở Tòa án nhân dân cấp cao tại Đà Nẵng xét xử phúc thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số: 321/2021/TLPT-DS ngày 27 tháng 12 năm 2021 về việc *"Yêu cầu tuyên bố hợp đồng tặng cho quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở vô hiệu, hủy Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất; hủy di chúc và chia tài sản thừa kế theo pháp luật"*. Do Bản án dân sự sơ thẩm số 50/2021/DS-ST ngày 27 tháng 9 năm 2021 của Tòa án nhân dân thành phố Đà Nẵng bị kháng cáo giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Bà Lê Thị Thủy C, sinh năm 1967. Trú tại: thành phố Đà Nẵng. Có mặt

2. Bị đơn: Ông Lê Trí D, sinh năm 1972 và bà Tô Thị Mộng H, sinh năm 1973. Cùng trú tại địa chỉ: thành phố Đà Nẵng. Có mặt

3. Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

3.1. Bà Dossman Lê T M, sinh năm 1964. Địa chỉ: Germany.

Người đại diện theo ủy quyền của bà Dossman Lê T M: Bà Lê Thị Thủy C. Có mặt

3.2. Bà Lê Thị Thu H, sinh năm 1968. Trú tại: Số 26 đường N 9, phường N, quận S, thành phố Đà Nẵng.

Người đại diện theo ủy quyền của bà Lê Thị Thu H: Bà Hồ Thị Bạch T, sinh năm 1992. Trú tại: Số 26 đường N 9, phường N, quận S, thành phố Đà Nẵng. Có mặt

3.3. Bà Nguyễn Thị Thanh T, sinh năm 1980. Trú tại: thành phố Đà Nẵng. Có mặt

3.4. Bà Nguyễn Thị Thu Đ, sinh năm 1984. Trú tại: thành phố Đà Nẵng. Có đơn đề nghị xét xử vắng mặt.

3.5. Sở Tài nguyên và Môi trường thành phố Đà Nẵng. Địa chỉ: Số 24, Đường Trần Phú, quận Hải Châu, thành phố Đà Nẵng.

Người đại diện theo ủy quyền của Sở Tài nguyên và Môi trường thành phố Đà Nẵng: Ông Nguyễn Thành Q, chức vụ: Giám đốc Chi nhánh Văn phòng Đăng ký đất đai quận T, thành phố Đà Nẵng. Có đơn đề nghị xét xử vắng mặt.

3.6. Phòng Công chứng số 02 thành phố Đà Nẵng. Trụ sở: quận T, thành phố Đà Nẵng. Vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện ban đầu ghi ngày 18/5/2020 và ngày 20/5/2020, đơn khởi kiện bổ sung ngày 03/6/2020 và ngày 16/6/2020, tại bản tự khai ngày 22/7/2020, trong giai đoạn chuẩn bị xét xử và tại phiên tòa ngày hôm nay, nguyên đơn – bà Lê Thị Thủy C trình bày:

Bà Lâm Thị Y chết ngày 21/3/2020, có các con chung như sau:

Với ông Lê Trí S, chết ngày 15/11/2002, có 07 người con chung gồm:

1. Bà Lê Thị Thủy C, sinh năm 1967.
2. Ông Lê Trí D, sinh năm 1972.
3. Bà Dossman Lê T M, sinh năm 1964;
4. Bà Lê Thị Thu H, sinh năm 1968;
5. Bà Lê Thị Phương L, sinh năm 1961, chết 1979, chết lúc nhỏ.
6. Ông Lê Trí H sinh năm 1963, chết năm 1994, có 01 người con Lê Trí Hoàng, sinh 1989 chết năm 2010 (không có vợ con).
7. Ông Lê Trí H, sinh năm 1973, chết năm 2000, không có vợ, con.

Với ông Nguyễn Thắng N có hai người con chung gồm:

1. Bà Nguyễn Thị Thanh T, sinh năm 1980;

2. Bà Nguyễn Thị Thu Đ, sinh năm 1984;

Sinh thời bà Y được quyền sử dụng thửa đất số 53, tờ bản đồ số 41, diện tích 71,1m^2, địa chỉ: K297/05 T, phường A, quận T, thành phố Đà Nẵng và quyền sở hữu nhà ở trên đất theo Giấy chứng nhận quyền sở hữu nhà ở và quyền sử dụng đất do Ủy ban nhân dân thành phố Đà Nẵng cấp ngày 15/8/2003 cho bà Lâm Thị Y. Đây là tài sản riêng của bà Y, không có liên quan gì đến ông Lê Trí S, ông Nguyễn Thắng N.

Tuy nhiên, lợi dụng lúc bà Y sức yếu không minh mẫn ông D đã yêu cầu bà Y ký Hợp đồng tặng cho quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất được Phòng Công chứng số 02 thành phố Đà Nẵng công chứng ngày 16/10/2018 số công chứng số 9600 cho nhà đất nêu trên cho ông D. Ông D được cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất số: CO143914 do Sở Tài nguyên và Môi trường thành phố Đà Nẵng cấp ngày 16/11/2018. Sau đó ông D tặng cho vợ theo Hợp đồng tặng cho quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất được ký giữa ông Lê Trí D với bà Tô Thị Mộng H được Phòng công chứng số 2 thành phố Đà Nẵng chứng thực ngày 19/6/2020, số công chứng 3379 và được chỉnh lý biến động ngày 26/6/2020 sang tên ½ quyền sử dụng đất và quyền sở hữu tài sản gắn liền với đất cho bà Tô Thị Mộng H. Việc làm của ông D là không hợp pháp.

Bà yêu cầu Tòa án giải quyết các vấn đề sau:

1- Hủy Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất số: CO143914 do Sở Tài nguyên và Môi trường thành phố Đà Nẵng cấp cho ông Lê Trí D đối với thửa đất số 53, tờ bản đồ số 41, diện tích 71,1m^2, địa chỉ: K297/05 T, phường A, quận T, thành phố Đà Nẵng.

2 - Chia di sản thừa kế của mẹ bà để lại theo quy định của pháp luật đối với nhà đất tại K29/5 T, quận T, thành phố Đà Nẵng. Giá trị phần thừa kế mỗi người được hưởng khoảng 100.000.000 đồng và bà Lê Thị Thủy C yêu cầu được nhận bằng tiền mặt.

Sau khi Tòa án có Quyết định đưa vụ án ra xét xử sơ thẩm số 36/2016/QĐXXST–DS ngày 10/12/2020, ngày 30/3/2021 bà Lê Thị Thủy C có đơn bổ sung yêu cầu khởi kiện yêu cầu Tòa án giải quyết:

- Tuyên hủy Di chúc ngày 16/4/2017 có nội dung bà Lâm Thị Y để lại toàn bộ căn nhà và thửa đất K297/5 T cho ông D vô hiệu.

- Tuyên Hợp đồng tặng cho quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất được Phòng Công chứng số 02 thành phố Đà Nẵng công chứng ngày 16/10/2018, số công chứng: 9600/2018, với nội dung bà Lâm Thị Y tặng cho toàn bộ nhà và đất tại K297/5 T cho ông D vô hiệu.

- Tuyên Hợp đồng tặng cho quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất được Phòng Công chứng số 02 thành phố Đà Nẵng công chứng ngày 19/6/2020, với nội dung ông Lê Trí D tặng cho ½ nhà và đất tại K297/5 T cho bà Tô Thị Mộng H vô hiệu.

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của nguyên đơn trình bày:

Căn cứ bà C khởi kiện yêu cầu tuyên hủy các hợp đồng tặng cho nêu trên:

Thứ nhất, tài sản trên có công sức đóng góp của các chị em bà gồm bà Lê Thị Thủy C, bà Dossman Lê T M, bà Lê Thị Thu H.

Thứ hai, bà Lâm Thị Y có con chung với ông Nguyễn Thắng N còn sống, thuộc trường hợp hôn nhân thực tế. Phòng Công chứng số 02 thành phố Đà Nẵng thực hiện công chứng không đúng thủ tục công chứng hợp đồng tặng cho vì không có sự đồng ý của những người con ông S, ông N khác là trái quy định pháp luật.

Thứ ba, ông D lợi dụng lúc mẹ tuổi cao, sức yếu không minh mẫn ông D đã yêu cầu mẹ ký Hợp đồng tặng cho quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất không tự nguyện.

Tại Biên bản hòa giải ngày 12/10/2020 và biên bản lấy lời khai 13/10/2020 quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa sơ thẩm bị đơn ông Lê Trí D và bà Tô Thị Mộng H thống nhất trình bày:

Thống nhất về hàng thừa kế theo pháp luật của mẹ ông bà Lâm Thị Y.

Ông D, bà H không đồng ý với yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn. Vì lý do đây là tài sản riêng của bà Y mẹ ông, không có công sức đóng góp của bà Lê Thị Thủy C, bà Dossman Lê T M và bà Lê Thị Thu H như bà C trình bày, cũng không liên quan gì đến ông Lê Trí S, ông Nguyễn Thắng N. Ban đầu mẹ ông lập di chúc ngày 16/4/2017 cho riêng ông nhưng sau đó sợ mấy chị em tranh giành nên mẹ ông tặng riêng cho ông theo Hợp đồng tặng cho quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất được Phòng Công chứng số 02 thành phố Đà Nẵng công chứng ngày 16/10/2018 số công chứng số 9600. Hiện nay nhà đất được cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất số: CO143914 do Sở Tài nguyên và Môi trường thành phố Đà Nẵng cấp cho D. Ông D cũng đã tặng cho ½ tài sản này cho vợ là bà Tô Thị Mộng H, sinh năm 1973, CMND số 201191830, theo Hợp đồng tặng cho quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất được Phòng Công chứng số 02 thành phố Đà Nẵng công chứng ngày 19/6/2020 số công chứng số 3379.

Do đó, ông D, bà H không đồng ý với yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

Những người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

Bà Dossman Lê T M (đại diện là bà C), bà Lê Thị Thu H (đại diện là bà Hồ Thị Bạch T), bà Nguyễn Thị Thanh T, bà Nguyễn Thị thu Đ trình bày:

Tài sản là tài sản riêng của bà Y, ông N có con chung nhưng không chung sống, đã thỏa thuận là tài sản riêng của bà Y. Thống nhất về hàng thừa kế, di sản, thời điểm mở thừa kế và yêu cầu khởi kiện chia theo pháp luật di sản của bà Lâm Thị Y, đề nghị Tòa án chia di sản thành 06 phần bằng nhau.

Tại Văn bản số 608/CNTK ngày 21/9/2020, theo ủy quyền của Sở Tài nguyên và Môi trường, ông Nguyễn Thanh Quốc, Giám đốc Chi nhánh Văn phòng Đăng ký đất đai quận T trình bày:

- Ngày 15/8/2003, UBND thành phố Đà Nẵng cấp giấy chứng nhận QSD đất số 3402013880 cho bà Lâm Thị Y tại thửa đất số 53, tờ bản đồ 52, diện tích đất ở: 230,4m^2; DTXD=DTSD: 64,8m^2 tại K297/05 T, Phường A, quận T, tp Đà Nẵng;

- Ngày 16/9/2003, bà Lâm Thị Y lập hợp đồng chuyển nhượng 1 phần QSD đất và tài sản gắn liền với đất có diện tích: đất ở: 159,3m^2; DTXD=DTSD: 42,0m^2 cho ông M Văn H và bà Nguyễn Thị D được Sở Tài nguyên và Môi trường tp Đà Nẵng thực hiện việc chỉnh lý biến động sang tên ngày 14/10/2003.

- Ngày 16/10/2018, bà Lâm Thị Y lập hợp đồng tặng cho toàn bộ phần còn lại QSD đất và tài sản gắn liền với đất (DT đất ở: 71,1m^2; DTXD =DTSD: 22,8m^2), cho con trai là ông Lê Trí D, theo hợp đồng tặng cho QSD đất và tài sản gắn liền với đất số 9600 tại phòng công chứng số 02, tp Đà Nẵng;

- Ngày 31/10/2018, ông Lê Trí D nộp hồ sơ cấp đổi giấy chứng nhận QSD đất có bổ sung tài sản gắn liền với đất và đã được Sở Tài nguyên và Môi trường tp Đà Nẵng cấp giấy chứng nhận QSD đất số CO 143914 ngày 16/11/2018, thửa đất số 53, tờ bản đồ số 41 tại địa chỉ; K297/05 T, phường A, quận T, tp Đà Nẵng, DT đất ở: 71,1m^2, DTXD: 54,6m^2; DTSD: 114,6m^2.

- Ngày 19/6/2020, ông Lê Trí D lập hợp đồng tặng cho 1/2 QSD đất và tài sản gắn liền với đất (không tách thửa) cho vợ là bà Tô Thị Mộng H, được chi nhánh Văn phòng Đăng ký đất đai tại quận T đăng ký biến động sang tên ngày 26/6/2020.

Như vậy, về nội dung đăng ký biến động sang tên QSD đất và tài sản gắn liền với đất của bà Lâm Thị Y tặng cho toàn bộ QSD đất và tài sản gắn liền với đất cho ông Lê Trí D cũng như các biến động được Chi nhánh Văn phòng đăng ký đất đai quận T thực hiện theo đúng trình tự, thủ tục quy định của pháp luật.

Tại Bản án dân sự sơ thẩm số 50/2021/DS-ST ngày 27 tháng 9 năm 2021 của Tòa án nhân dân thành phố Đà Nẵng quyết định.

Căn cứ vào:

- Khoản 4 Điều 34, khoản 3 Điều 35, Điều 37, khoản 2 Điều 227 của Bộ luật Tố tụng dân sự và điểm a khoản 1 Điều 30, khoản 3 Điều 32 Luật Tố tụng hành chính;

- Điều 117, Điều 122, Điều 459, Điều 500, Điều 502, Điều 503, Điều 612 Bộ luật dân sự 2015;

- Điểm a khoản 3 Điều 167, khoản 1 Điều 168 và khoản 1, 3 Điều 188 Luật Đất đai năm 2013;

- Điều 12 Luật nhà ở;

- Điều 5, 41 Luật công chứng;

- Điểm d mục 2 Thông tư liên tịch số 01/2001/TTLT–TANDTC–VKSNDTC-BTP ngày 03/01/2001 của Tòa án nhân dân tối cao, Viện kiểm sát nhân dân tối cao, Bộ Tư pháp về việc thi hành luật hôn nhân và gia đình;

- Mục 3 Nghị quyết số 35/2000/NQ–QH10 ngày 09/6/2000 của Quốc hội về việc thi hành luật hôn nhân và gia đình;

- Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí tòa án.

Xử:

1. Không chấp nhận yêu cầu khởi kiện về việc *"Tuyên bố hợp đồng tặng cho quyền sử dụng đất vô hiệu, hủy Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất; hủy di chúc và chia tài sản thừa kế theo pháp luật"* của nguyên đơn bà Lê Thị Thủy C đối với bị đơn ông Lê Trí D, bà Tô Thị Mộng H về các vấn đề sau:

- Tuyên hủy Di chúc ngày 16/4/2017 có nội dung bà Lâm Thị Y để lại toàn bộ căn nhà và thửa đất K297/5 T cho ông D.

- Tuyên Hợp đồng tặng cho quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất được Phòng Công chứng số 02 thành phố Đà Nẵng công chứng ngày 16/10/2018, số công chứng: 9600/2018, với nội dung bà Lâm Thị Y tặng cho toàn bộ nhà và đất tại K297/5 T cho ông D vô hiệu.

- Tuyên Hợp đồng tặng cho quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất được Phòng Công chứng số 02 thành phố Đà Nẵng công chứng ngày 19/6/2020, với nội dung ông Lê Trí D tặng cho ½ nhà và đất tại K297/5 T cho bà Tô Thị Mộng H vô hiệu.

- Hủy Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất số: CO143914 do Sở Tài nguyên và Môi trường thành phố Đà Nẵng cấp cho ông Lê Trí D đối với thửa đất số 53, tờ bản đồ số 41, diện tích 71,1m^2, địa chỉ: K297/05 T, phường A, quận T, thành phố Đà Nẵng và phần chỉnh lý biến động tặng cho 1/2

quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất (không tách thửa) cho vợ là bà Tô Thị Mộng H được chi nhánh Văn phòng Đăng ký đất đai tại quận T đăng ký biến động sang tên ngày 26/6/2020.

- Chia di sản thừa kế của bà Lâm Thị Y theo quy định của pháp luật đối với quyền sử dụng tại thửa đất số 53, tờ bản đồ số 41, diện tích 71,1m^2, địa chỉ: K297/05 T, phường A, quận T, thành phố Đà Nẵng và quyền sở hữu nhà ở, công trình xây dựng trên đất.

Ngoài ra, Bản án quyết định về án phí, chi phí tố tụng và quyền kháng cáo của đương sự.

Trong thời hạn luật định bà Lê Thị Thủy C và bà Hồ Thị Bạch T là người đại diện theo ủy quyền của bà Lê Thị Thu H kháng cáo bản án sơ thẩm.

Tại phiên tòa phúc thẩm người kháng cáo vẫn giữ nguyên yêu cầu kháng cáo.

Trong phần phát biểu quan điểm của Viện kiểm sát cho rằng: Chủ tọa phiên tòa và các thành viên Hội đồng xét xử thực hiện đúng quy định của BLTT dân sự, các đương sự thực hiện đúng quyền nghĩa vụ của mình; về nội dung vụ án đề nghị Hội đồng xét xử không chấp nhận đơn kháng cáo của người kháng cáo, giữ nguyên bản án sơ thẩm.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án, được thẩm tra tại phiên tòa, căn cứ vào kết quả tranh tụng công khai tại phiên tòa Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Bà Lâm Thị Y chết ngày 21/3/2020.

Bà Y có 07 người con chung với ông Lê Trí S (chết ngày 15/11/2002), gồm: Bà Lê Thị Phương L (sinh năm 1961, chết 1979, chết lúc nhỏ), ông Lê Trí H (sinh năm 1963, chết năm 1994, có 01 người con Lê Trí Hoàng, sinh 1989 chết năm 2010), bà Dossman Lê T M, bà Lê Thị Thủy C, bà Lê Thị Thu H, ông Lê Trí H (sinh năm 1973, chết năm 2000, không có vợ, con) và ông Lê Trí D.

Bà Y có 02 người con chung với ông Nguyễn Thắng N là bà Nguyễn Thị Thanh T, sinh năm 1980, bà Nguyễn Thị Thu Đ, sinh năm 1984.

[2] Xét kháng cáo của bà Lê Thị Thủy C và bà Hồ Thị Bạch T; Hội đồng xét xử xét thấy:

[2.1] Xét về quan hệ nhân thân giữa bà Lâm Thị Y với ông Lê Trí S và Nguyễn Thắng N thấy rằng:

Trong suốt quá trình tham gia tố tụng các đương sự đều xác nhận mặc dù bà Y có con chung với ông N nhưng không sống chung, chỉ quan hệ tình cảm, không

phải là quan hệ hôn thú, không ai lo cho ai, ông N không có đóng góp gì đến vào đời sống chung, tài sản chung vợ chồng (BL 150 –163).

Đối với ông S thì trước khi ông S chết cũng không sống chung với bà Y (nơi cư trú tỉnh Đăk Lăk theo Trích lục khai tử số 83/TLKT–BS ngày 26/5/2016 của UBND xã K) (BL 150 – 163).

Tại Công văn số 127/CC2 ngày 12/7/2021, Phòng Công chứng số 02 thành phố Đà Nẵng xác định tại thời điểm công chứng bà Y có xuất trình giấy xác nhận tình trạng hôn nhân do UBND phường P, quận H, tp Đà Nẵng cấp ngày 06/8/2018 và UBND phường A, quận T, tp Đà Nẵng cấp ngày 08/8/2018, xác nhận bà Lâm Thị Y chưa đăng ký kết hôn với ai từ năm 1988 đến năm 2018. Tại Công văn số 705/UBND ngày 13/7/2021 của UBND phường A, quận T xác định: "Bà Lâm Thị Y chưa đăng ký kết hôn với ai tại địa phương". Các đương sự không cung cấp được giấy tờ có giá trị pháp lý chứng minh quan hệ hôn nhân của bà Y, đồng thời trình bày không rõ bà Y có đăng ký kết hôn với ông S, ông N hay không.

Như vậy, quan hệ giữa bà Y với ông N cũng như giữa bà Y với ông S không được xem là nam và nữ chung sống với nhau như vợ chồng theo quy định tại điểm d mục 2 Thông tư liên tịch số 01/2001/TTLT–TANDTC–VKSNDTC-BTP ngày 03/01/2001 của Tòa án nhân dân tối cao, Viện kiểm sát nhân dân tối cao, Bộ Tư pháp về việc thi hành Luật hôn nhân và gia đình.

[2.2] Xét về tài sản.

Sinh thời bà Lâm Thị Y là chủ sử dụng thửa đất số 53, tờ bản đồ 41, diện tích đất ở: 230,4m^2 và công trình xây dựng trên đất tại K297/05 T, phường A, quận T, tp Đà Nẵng theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số 3402013880 do UBND thành phố Đà Nẵng cấp ngày 15/8/2003 đứng tên riêng bà Y, thời điểm này ông Lê Trí S đã chết. Đến ngày 16/9/2003, bà Y chuyển nhượng phần quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất có diện tích đất ở là 159,3m^2 cho ông M Văn H và bà Nguyễn Thị Dân, chỉnh lý biến động sang tên ngày 14/10/2003.

Đến ngày 16/10/2018, bà Y tặng cho toàn bộ phần quyền sử dụng 71,1m^2 đất còn lại và tài sản gắn liền với đất cho con trai là ông Lê Trí D, theo Hợp đồng tặng cho QSD đất và tài sản gắn liền với đất số 9600 tại Phòng Công chứng số 02, thành phố Đà Nẵng. Ông Lê Trí D được Sở Tài nguyên và Môi trường tp Đà Nẵng cấp Giấy chứng nhận QSD đất số CO 143914 ngày 16/11/2018, thửa đất số 53, tờ bản đồ số 41. Sau khi bà Lâm Thị Y chết ngày 21/3/2020, ngày 18/5/2020 bà Lê Thị Thủy C nộp đơn khởi kiện tại Tòa án yêu cầu hủy Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất này và chia di sản thừa kế.

Xét thấy: Quan hệ giữa bà Y với ông S và ông N không được pháp luật công nhận là vợ chồng, tài sản là Quyền sử dụng đất số 3402013880 do UBND thành phố Đà Nẵng cấp ngày 15/8/2003 là của bà Y, do vậy quyền sử dụng đất số 3402013880 do UBND thành phố Đà Nẵng cấp ngày 15/8/2003 đứng tên riêng bà Y, bà Y có quyền định đoạt đối với tài sản này, hoặc sẽ được chia thừa kế theo quy định của pháp luật.

[2.3] Xét về Di chúc ngày 16/4/2017 và Hợp đồng tặng cho quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất giữa bà Y cho ông D được Phòng Công chứng số 02 thành phố Đà Nẵng công chứng ngày 16/10/2018, số công chứng: 9600/2018. Hội đồng xét xử xét thấy: Bà Y lập di chúc cho anh D tài sản tuy nhiên sau đó lập hợp đồng tặng cho tài sản, do vậy di chúc không còn hiệu lực. Trong quá trình giải quyết vụ án Tòa án cấp sơ thẩm đã tiến hành việc giám định chữ ký và chữ viết trong hợp đồng tặng cho tài sản cũng như trong di chúc. Qua kết quả giám định, Hội đồng xét xử có căn cứ để khẳng định hợp đồng tặng cho tài sản có giá trị pháp lý.

Trong quá trình giải quyết vụ án bà C, bà M, bà H cho rằng có công sức đóng góp với bà Y trong khối tài sản trên; Tuy nhiên, bà C, bà M, bà H không trình bày làm rõ giá trị, phương thức, thời điểm đóng góp, phần đóng góp có liên quan, không cung cấp được tài liệu chứng cứ chứng minh, mặt khác tài sản nêu trên đứng tên bà Y và đã được định đoạt khi bà Y còn sống. Ông Nguyễn Thắng N cùng các con của bà Y với ông S và với ông N không ai có tranh chấp quyền sử dụng đất hoặc công sức đóng góp, tôn tạo tài sản với bà Y khi bà Y còn sống.

Như vậy, tài sản nêu trên là của bà Y và bà Y trước đó đã chuyển nhượng một phần, phần còn lại đã tặng cho anh D tài sản khi còn sống, vì vậy Bản án sơ thẩm đã không chấp nhận yêu cầu khởi kiện về việc *"Tuyên bố hợp đồng tặng cho quyền sử dụng đất vô hiệu, hủy Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất; hủy di chúc và chia tài sản thừa kế theo pháp luật"* của nguyên đơn bà Lê Thị Thủy C đối với bị đơn ông Lê Trí D, bà Tô Thị Mộng H là có căn cứ đúng pháp luật. Tại cấp phúc thẩm không có chứng cứ nào mới cần được xem xét đánh giá; do vậy đơn kháng cáo của bà Lê Thị Thủy C và bà Hồ Thị Bạch T, không có căn cứ được chấp nhận.

[3] Về án phí: Bà Lê Thị Thủy C và Lê Thị Thu H (người đại diện là bà Hồ Thị Bạch T) mỗi người phải chịu 300.000 đồng án phí dân sự phúc thẩm.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 Điều 308 Bộ luật tố tụng dân sự.

Không chấp nhận đơn kháng cáo của bà Lê Thị Thủy C và bà Hồ Thị Bạch T. Giữ nguyên quyết định của Bản án dân sự sơ thẩm số: 50/2021/DS-ST ngày 27 tháng 9 năm 2021 của Tòa án nhân dân thành phố Đà Nẵng.

Căn cứ vào:

- Khoản 4 Điều 34, khoản 3 Điều 35, Điều 37, khoản 2 Điều 227 của Bộ luật Tố tụng dân sự và điểm a khoản 1 Điều 30, khoản 3 Điều 32 Luật Tố tụng hành chính;

- Điều 117, Điều 122, Điều 459, Điều 500, Điều 502, Điều 503, Điều 612 Bộ luật dân sự 2015;

- Điểm a khoản 3 Điều 167, khoản 1 Điều 168 và khoản 1, 3 Điều 188 Luật đất đai năm 2013;

- Điều 12 Luật nhà ở;

- Điều 5, 41 Luật công chứng;

- Điểm d mục 2 Thông tư liên tịch số 01/2001/TTLT–TANDTC– VKSNDTC-BTP ngày 03/01/2001 của Tòa án nhân dân tối cao, Viện kiểm sát nhân dân tối cao, Bộ Tư pháp về việc thi hành Luật hôn nhân và gia đình;

- Mục 3 Nghị quyết số 35/2000/NQ–QH10 ngày 09/6/2000 của Quốc hội về việc thi hành Luật hôn nhân và gia đình;

- Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH 14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí tòa án.

Xử:

1. Không chấp nhận yêu cầu khởi kiện về việc *"Tuyên bố hợp đồng tặng cho quyền sử dụng đất vô hiệu, hủy Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất; hủy di chúc và chia tài sản thừa kế theo pháp luật"* của nguyên đơn bà Lê Thị Thủy C đối với bị đơn ông Lê Trí D, bà Tô Thị Mộng H về các nội dung sau:

- Tuyên hủy Di chúc ngày 16/4/2017 có nội dung bà Lâm Thị Y để lại toàn bộ căn nhà và thửa đất K297/5 T cho ông D.

- Tuyên Hợp đồng tặng cho quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất được Phòng Công chứng số 02 thành phố Đà Nẵng công chứng ngày 16/10/2018, số công chứng: 9600/2018, với nội dung bà Lâm Thị Y tặng cho toàn bộ nhà và đất tại K297/5 T cho ông D vô hiệu.

- Tuyên Hợp đồng tặng cho quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất được Phòng Công chứng số 02 thành phố Đà Nẵng công chứng ngày 19/6/2020, với nội

dung ông Lê Trí D tặng cho ½ nhà và đất tại K297/5 T cho bà Tô Thị Mộng H vô hiệu.

- Hủy Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất số: CO143914 do Sở Tài nguyên và Môi trường thành phố Đà Nẵng cấp cho ông Lê Trí D đối với thửa đất số 53, tờ bản đồ số 41, diện tích 71,1m^2, địa chỉ: K297/05 T, phường A, quận T, thành phố Đà Nẵng và phần chỉnh lý biến động tặng cho 1/2 quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất (không tách thửa) cho vợ là bà Tô Thị Mộng H được Chi nhánh Văn phòng Đăng ký đất đai tại quận T đăng ký biến động sang tên ngày 26/6/2020.

- Chia di sản thừa kế của bà Lâm Thị Y theo quy định của pháp luật đối với quyền sử dụng tại thửa đất số 53, tờ bản đồ số 41, diện tích 71,1m^2, địa chỉ: K297/05 T, phường A, quận T, thành phố Đà Nẵng và quyền sở hữu nhà ở, công trình xây dựng trên đất.

Về án phí: Bà Lê Thị Thủy C và bà Lê Thị Thu H (người đại diện là bà Hồ Thị Bạch T) mỗi người phải chịu 300.000 đồng án phí dân sự phúc thẩm. Số tiền đã nộp tạm ứng theo các biên lai thu tiền số 0004771 và 0004772 ngày 26/10/2021 tại Cục thi hành án dân sự thành phố Đà Nẵng nay chuyển thành tiền án phí phúc thẩm.

Các quyết định khác của Bản án sơ thẩm không có kháng cáo, kháng nghị có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết hạn kháng cáo, kháng nghị.

Bản án có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:
- TAND tối cao;
- VKSND cấp cao tại Đà Nẵng;
- TAND thành phố Đà Nẵng;
- VKSND thành phố Đà Nẵng;
- Cục THADS thành phố Đà Nẵng;
- Những người tham gia tố tụng;
- Lưu hồ sơ vụ án, án văn, lưu trữ (ĐTT).

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

(Đã ký)

Mai Xuân Thành